

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.52A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 28/9/2018 - Phòng máy 609/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Nguyễn Thị Thảo	Chi	08/04/1997	Gia Lai	K21PSUQTH1	2120219111	ITA.52A	Chi	8,3	Tám, Ba	
2	Phan Thị Hà	Chi	19/05/1997	Quảng Trị	K21DLK5	2120715563	ITA.52A	Chi	8,5	Tám, năm	
3	Lương Hoàng	Cương	05/11/1996	Đà Nẵng	K20PSUDLK6	2021123729	ITA.52A	Chi	8,5	Tám, năm	
4	Nguyễn Thị Linh	Đa	11/03/1997	Đà Nẵng	K21PSUDLK3	2120713515	ITA.52A	Đa	9,4	Chín, Bốn	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	08/05/1996	Quảng Nam	K21TNM2	2120659457	ITA.52A	Diễm	6,3	Sáu, Ba	
6	Đinh Thị Hoàng	Dung	17/03/1996	Quảng Nam	K20YDH2	2020524840	ITA.52A	Đinh	9,0	Chín, 0	
7	Bùi Thị Yến	Duyên	11/09/1997	Đà Nẵng	K22QTH3	2120217916	ITA.52A	Yến	8,5	Tám, năm	
8	Nguyễn Hà Trúc	Giang	17/04/1996	Đà Nẵng	K20YDH2	2020525026	ITA.52A	Giang	9,0	Chín, 0	
9	Trần Thị Minh	Hà	10/07/1997	Quảng Nam	K21LAW8	2120868615	ITA.52A	Minh	8,0	Tám, 0	
10	Lê Nhật	Hằng	06/05/1997	Quảng Nam	K21QTH5	2120213303	ITA.52A	Ngũ	9,0	Chín, 0	
11	Trần Thị Thanh	Hằng	29/07/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120524636	ITA.52A	Thanh	8,0	Tám, 0	
12	Đặng Thị	Hiền	17/02/1996	Hà Tĩnh	K20YDH3	2020523260	ITA.52A	Đặng	8,5	Tám, năm	
13	Mai Thị	Huệ	08/03/1997	Đà Nẵng	K21NAD1	2120328016	ITA.52A	Huệ	9,0	Chín, 0	
14	Nguyễn Thanh	Hương	09/11/1996	Quảng Nam	K20YDH3	2020513604	ITA.52A	Hương	9,0	Chín, 0	
15	Dương Thị Ngọc	Huyền	17/01/1996	DakLak	K21VLK8	21208661473	ITA.52A	Ngũ	8,0	Tám, 0	
16	Nguyễn Thị Bích	Huyền	30/10/1997	Quảng Ngãi	K21NAD1	2120317610	ITA.52A	Huyền	7,0	Bảy, 0	
17	Nguyễn Thị Kim	Liên	19/05/1997	Quảng Nam	K21TNM2	2120654953	ITA.52A	Liên	6,3	Sáu, Ba	
18	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	02/06/1991	Quảng Nam	K18VQH	1820335902	ITA.52A	Ngũ	3,5	Ba, năm	
19	Phan Tuyết	Mai	30/04/1997	Đà Nẵng	K21DLK9	2120715701	ITA.52A	Phan	9,0	Chín, 0	
20	Nguyễn Thị Hoàng	My	23/06/1996	Đà Nẵng	K20YDH2	2020523785	ITA.52A	My	8,0	Tám, 0	
21	Nguyễn Thị Lê	Na	09/03/1998	Nghệ An		2220253307	ITA.52A				K nộp đơn k dự thi
22	Nguyễn Nhân	Nghĩa	02/12/1996	DakLak	K20YDH5	2021526347	ITA.52A	Ngũ	7,5	Bảy, năm	
23	Nguyễn Khánh	Nguyễn	03/09/1996	Đà Nẵng	K20YDH5	2021523336	ITA.52A	Ngũ	6,3	Sáu, Ba	
24	Dương Thị	Nhi	15/03/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120718297	ITA.52A	Đinh	8,5	Tám, năm	
25	Bùi Tuấn	Phong	12/04/1997	DakLak		2121259271	ITA.52A				K nộp đơn k dự thi
26	Huỳnh Thị Nhật	Phương	11/01/1997	HCM	K21DLK10	2120715777	ITA.52A	Phan	8,9	Tám, chín	
27	Nguyễn Thị Thu	Phượng	09/11/1997	Đà Nẵng	K21DLK8	2120713648	ITA.52A	Đinh	9,5	Chín, năm	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	12/07/1997	Quảng Nam	K21DLK9	2120715782	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	9,4	Chín, Bốn	
29	Phạm Thị Diệu	Quỳnh	08/01/1997	Đà Nẵng	K21NAD5	2120317383	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, Không	
30	Huỳnh Thị Kim	Tâm	14/01/1997	Đà Nẵng	K21DLK8	2120713646	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, Năm	
31	Vũ Hồng	Tâm	21/04/1997	Gia Lai	K21NAD1	2120313173	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, Không	
32	Hồ Văn	Thanh	24/01/1997	Đà Nẵng	K21TNM1	2121654946	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy, Năm	
33	Tăng Trần Thiên	Thanh	22/09/1997	Đà Nẵng	K21DLK6	2121719563	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy, Năm	
34	Hoàng Thanh	Thảo	18/04/1997	Đà Nẵng	K21QTM2	2120213447	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, Không	
35	Nguyễn Thu	Thảo	10/09/1997	Quảng Nam	K21DLK5	2120713597	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	7,3	Bảy, Ba	
36	Phan Thị Thu	Thảo	04/05/1997	Quảng Nam	K21KKT2	2110233024	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy, Năm	
37	Trần Ngọc Minh	Thi	02/09/1997	Quảng Nam	K21DLK5	2120713593	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, Không	
38	Võ Ngọc Thùy	Trâm	08/11/1997	Dak Lak	K21DLK3	2120717027	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, Không	
39	Hồ Thị Thuý	Trang	11/07/1997	Đà Nẵng	K21QTM1	2120218374	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, Năm	
40											
41											
42											
43											
44											

Tổng số HV/Dự thi: ...3...9...

Vắng: ...2...

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.52A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 28/9/2018 - Phòng máy 609/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Nguyễn Thị Thảo	Chi	08/04/1997	Gia Lai	K21PSUQTH1	2120219111	ITA.52A	<i>Chi</i>	5,0	Năm y	
2	Phan Thị Hà	Chi	19/05/1997	Quảng Trị	K21DLK5	2120715563	ITA.52A	<i>chi</i>	5,8	Năm tm	
3	Lương Hoàng	Cương	05/11/1996	Đà Nẵng	K20PSUDLK6	2021123729	ITA.52A	<i>Phu</i>	5,5	Năm năm	
4	Nguyễn Thị Linh	Đa	11/03/1997	Đà Nẵng	K21PSUDLK3	2120713515	ITA.52A	<i>Đa</i>	6,8	Sau tm	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	08/05/1996	Quảng Nam	K21TNM2	2120659457	ITA.52A	<i>Đen</i>	8,5	Bảy năm	
6	Đinh Thị Hoàng	Dung	17/03/1996	Quảng Nam	K20YDH2	2020524840	ITA.52A	<i>Phu</i>	6,8	Sau tm	
7	Bùi Thị Yến	Duyên	11/09/1997	Đà Nẵng	K22QTH3	2120217916	ITA.52A	<i>Nguyễn</i>	5,3	Năm ba	
8	Nguyễn Hà Trúc	Giang	17/04/1996	Đà Nẵng	K20YDH2	2020525026	ITA.52A	<i>Phu</i>	7,8	Bảy tm	
9	Trần Thị Minh	Hà	10/07/1997	Quảng Nam	K21LAW8	2120868615	ITA.52A	<i>Phu</i>	5,0	Năm y	
10	Lê Nhật	Hàng	06/05/1997	Quảng Nam	K21QTH5	2120213303	ITA.52A	<i>Phu</i>	5,8	Năm tm	
11	Trần Thị Thanh	Hằng	29/07/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120524636	ITA.52A	<i>Phu</i>	6,8	Sau tm	
12	Đặng Thị	Hiền	17/02/1996	Hà Tĩnh	K20YDH3	2020523260	ITA.52A	<i>Phu</i>	6,3	Sau ba	
13	Mai Thị	Huệ	08/03/1997	Đà Nẵng	K21NAD1	2120328016	ITA.52A	<i>Phu</i>	5,8	Năm tm	
14	Nguyễn Thanh	Hương	09/11/1996	Quảng Nam	K20YDH3	2020513604	ITA.52A	<i>Phu</i>	5,0	Năm y	
15	Dương Thị Ngọc	Huyền	17/01/1996	DakLak	K21VLK8	21208661473	ITA.52A	<i>Phu</i>	6,0	Sau y	
16	Nguyễn Thị Bích	Huyền	30/10/1997	Quảng Ngãi	K21NAD1	2120317610	ITA.52A	<i>Phu</i>	6,5	Sau năm	
17	Nguyễn Thị Kim	Liên	19/05/1997	Quảng Nam	K21TNM2	2120654953	ITA.52A	<i>Phu</i>	5,0	Năm y	
18	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	02/06/1991	Quảng Nam	K18VOH	1820335902	ITA.52A	<i>Phu</i>	5,3	Năm ba	
19	Phan Tuyết	Mai	30/04/1997	Đà Nẵng	K21DLK9	2120715701	ITA.52A	<i>Phu</i>	8,5	Bảy năm	
20	Nguyễn Thị Hoàng	My	23/06/1996	Đà Nẵng	K20YDH2	2020523785	ITA.52A	<i>My</i>	6,5	Sau năm	
21	Nguyễn Thị Lê	Na	09/03/1998	Nghệ An		2220253307	ITA.52A				K nộp đơn k dự thi
22	Nguyễn Nhân	Nghĩa	02/12/1996	DakLak	K20YDH5	2021526347	ITA.52A	<i>Nghĩa</i>	6,3	Sau ba	
23	Nguyễn Khánh	Nguyên	03/09/1996	Đà Nẵng	K20YDH5	2021523336	ITA.52A	<i>Nguyên</i>	6,3	Sau ba	
24	Dương Thị	Nhi	15/03/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120718297	ITA.52A	<i>Nhi</i>	6,3	Sau ba	
25	Bùi Tuấn	Phong	12/04/1997	DakLak		2121259271	ITA.52A				K nộp đơn k dự thi
26	Huỳnh Thị Nhật	Phương	11/01/1997	HCM	K21DLK10	2120715777	ITA.52A	<i>Phu</i>	6,0	Sau y	
27	Nguyễn Thị Thu	Phượng	09/11/1997	Đà Nẵng	K21DLK8	2120713648	ITA.52A	<i>Phu</i>	6,0	Sau y	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	12/07/1997	Quảng Nam	K21DLK9	2120715782	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	6,5	Sau năm	
29	Phạm Thị Diệu	Quỳnh	08/01/1997	Đà Nẵng	K21NAD5	2120317383	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	5,8	Năm đầu	
30	Huỳnh Thị Kim	Tâm	14/01/1997	Đà Nẵng	K21DLK8	2120713646	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	8,5	Năm đầu	
31	Vũ Hồng	Tâm	21/04/1997	Gia Lai	K21NAD1	2120313173	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	6,5	Sau năm	
32	Hồ Văn	Thanh	24/01/1997	Đà Nẵng	K21TNM1	2121654946	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	6,5	Sau năm	
33	Tăng Trần Thiên	Thanh	22/09/1997	Đà Nẵng	K21DLK6	2121719563	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm đầu	
34	Hoàng Thanh	Thảo	18/04/1997	Đà Nẵng	K21QTM2	2120213447	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	6,0	Sau H	
35	Nguyễn Thu	Thảo	10/09/1997	Quảng Nam	K21DLK5	2120713597	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	6,8	Sau đầu	
36	Phan Thị Thu	Thảo	04/05/1997	Quảng Nam	K21KKT2	2110233024	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	6,8	Sau đầu	
37	Trần Ngọc Minh	Thi	02/09/1997	Quảng Nam	K21DLK5	2120713593	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm đầu	
38	Võ Ngọc Thủy	Trâm	08/11/1997	DakLak	K21DLK3	2120717027	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	5,8	Năm đầu	
39	Hồ Thị Thủy	Trang	11/07/1997	Đà Nẵng	K21QTM1	2120218374	ITA.52A	<i>[Signature]</i>	7,3	Năm đầu	
40											
41											
42											
43											
44											

Tổng số HV/Dự thi: 39....

Vắng: 2....